

Bản án số: 113/2022/KDTM-ST

Ngày: 30/6/2022

V/v Tranh chấp hợp đồng thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 1 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Ánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Phúc;
2. Bà Nghiêm Thị Xuân Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phương Thảo-Thư ký Tòa án nhân dân Quận 1

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 33/2022/TLST-KDTM ngày 07 tháng 3 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 2476/2022/QĐXXST-KDTM ngày 23 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 3083/2022/QĐST-KDTM ngày 15 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần Bê tông L.

Địa chỉ: Quốc lộ 91, khóm A, phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trịnh Tấn Đ, sinh năm 1979 (Theo Giấy ủy quyền số 0671/GUQ-ACECO-KTTC ngày 21/02/2022).

Địa chỉ liên hệ: Quốc lộ 91, khóm A, phường MT, thành phố L, tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C.

Địa chỉ: 10 T, phường T, Quận C, Tp. Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Trần Anh V, sinh năm 1971, là người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ: 12 M 1B M 1, S14 và S20, phường T, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, ý kiến trong quá tham gia tố tụng và tại phiên tòa, ông Trịnh Tấn Đ là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 02/11/2020, Nguyên đơn (nhà thầu) và bị đơn (chủ đầu tư) ký Hợp đồng kinh tế số 4363/HĐ-ACECO-KD về cung cấp và thi công ép cọc (sau đây viết tắt là HĐ), trong đó, bị đơn giao cho nguyên đơn thực hiện cung cấp các vật liệu, thiết bị, nhân công để thi công ép cọc bê tông ly tâm của Công trình Nhà máy Q tại Quốc lộ 80, thị trấn L, tỉnh Đồng Tháp; giá trị hợp đồng 11.435.325.000 đồng. Sau đó, hai bên đã ký các Biên bản thay đổi hợp đồng số 5149/BBTĐ-ACECO-KD ngày 28/12/2020 và số 0415/BBTĐ-ACECO-KD ngày 04/02/2021 thay đổi giá trị hợp đồng là 6.542.162.000 đồng (bao gồm 10% VAT), giá trị hợp đồng là tạm tính, giá trị thanh quyết toán sẽ căn cứ trên khối lượng thi công thực tế hoàn thành được hai bên đồng ý nghiệm thu.

Thực hiện hợp đồng, nguyên đơn đã hoàn thành thi công được hai bên ký Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, Bảng quyết toán khối lượng và giá trị thực hiện cùng ngày 05/02/2021 với giá trị khối lượng thi công thực tế là 5.781.897.000 đồng (*Năm tỷ bảy trăm tám mươi một triệu tám trăm chín mươi bảy nghìn đồng*). Nguyên đơn lập hồ sơ thanh quyết toán, xuất hoá đơn GTGT số 1042 ngày 08/3/2021 theo đúng thoả thuận tại Điều 3 HĐ. Tuy nhiên, bị đơn mới thanh toán được tổng số tiền 1.308.402.400 đồng (bao gồm thanh toán lần 1 ngày 26/12/2020: 400.000.000 đồng; thanh toán lần 2 ngày 31/12/2020: 400.000.000 đồng; thanh toán lần 3 ngày 22/01/2021: 200.000.000 đồng; thanh toán lần 4 ngày 26/01/2021: 308.432.400 đồng). Theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 07/4/2021 thì bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 4.473.464.600 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*).

Thế thức thanh toán của hợp đồng quy định sau khi nguyên đơn thi công đạt 100% khối lượng hợp đồng, bị đơn thanh toán giá trị thực hiện hợp đồng còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, quyết toán tổng hợp khối lượng giá trị thực hiện và bị đơn nhận đủ hồ sơ thanh toán. Nguyên đơn đã giao hồ sơ thanh toán cho bị đơn và nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ còn lại và tiền lãi chậm trả do không thanh toán đúng hạn theo mức lãi suất quá hạn bằng 150% x lãi suất vay ngắn hạn 6%/năm của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh An Giang áp dụng tại thời điểm ngày 15/02/2022 được nguyên đơn tham khảo khi làm đơn khởi kiện. Do vậy, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi chậm trả từ ngày 07/4/2021 đến ngày 15/02/2022 với tổng số là 314 ngày.

Như vậy, tổng số tiền nợ gốc và lãi nguyên đơn yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán là: 4.824.631.571 đồng (bao gồm nợ gốc: 4.473.464.600 đồng; nợ lãi chậm trả: 4.473.464.600 đồng x 0.025%/ngày x 314 ngày = 351.166.971 đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn là Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C, có ông Trần Anh V là người đại diện theo pháp luật. Trong quá trình chuẩn bị xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án và triệu tập tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Xét, Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán tiền nợ thì công công trình còn lại là tranh chấp phát sinh trong quan hệ giao kết hợp đồng giữa hai pháp nhân, bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại Quận M, Tp. Hồ Chí Minh. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự:

Xét, theo Phiếu cung cấp thông tin đăng ký doanh nghiệp của Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh ngày 22/02/2022, có cơ sở xác định bị đơn được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0303310642, đăng ký lần đầu ngày 18/4/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 24/5/2021, địa chỉ trụ sở chính tại 10/6 T, phường T, Quận M, Tp. Hồ Chí Minh và người đại diện theo pháp luật là ông Trần Anh V, sinh năm 1971. Thời điểm thụ lý vụ án và trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị đơn nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo về thụ lý vụ án, triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải; tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng đều vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đòi bị đơn thanh toán số tiền nợ là 4.473.464.600 đồng (*Bốn tỷ bốn trăm bảy mươi ba triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn sáu trăm đồng*).

Căn cứ đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ được nguyên đơn giao nộp trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn đã ký kết Hợp đồng kinh tế số 4363/HĐ-ACECO-KD ngày 02/11/2020 (viết tắt là HĐ) và các Biên bản thay đổi hợp đồng số 5149/BBTĐ-ACECO-KD ngày 28/12/2020 và số 0415/BBTĐ-ACECO-KD ngày 04/02/2021. Theo đó, bị đơn giao cho nguyên đơn thực hiện cung cấp các vật liệu, thiết bị, nhân công để thi công ép cọc bê tông ly tâm của Công trình Nhà máy Q tại Quốc lộ 80, thị trấn L, tỉnh Đồng Tháp với giá trị hợp đồng ban đầu là 11.435.325.000 đồng, sau đó thay đổi giảm giá trị hợp đồng còn lại 6.542.162.000 đồng (bao gồm VAT), đồng thời thoả thuận giá trị hợp đồng là tạm tính, giá trị thanh quyết toán sẽ căn cứ trên khối lượng thi công thực tế hoàn thành được hai bên đồng ý nghiệm thu.

Xét, theo Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và Bảng quyết toán khối lượng giá trị thực hiện được hai bên ký cùng ngày 05/02/2021, thống nhất

xác nhận giá trị khối lượng thi công thực tế là 5.781.897.000 đồng (bao gồm thuế VAT). Tại Điều 3 HĐ về điều khoản thanh toán thoả thuận thể hiện: bị đơn (chủ đầu tư) thanh toán cho nguyên đơn (nhà thầu thi công) tương ứng với khối lượng thi công và giá trị hợp đồng trong 03 đợt (đợt 1: 20% giá trị hợp đồng; đợt 2: thi công đạt 60% khối lượng, thanh toán 30% giá trị hợp đồng; đợt 3: thi công đạt 100% khối lượng, thanh toán 50% giá trị thực hiện hợp đồng còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, quyết toán tổng hợp khối lượng giá trị thực hiện và bị đơn nhận đủ hồ sơ thanh toán. Như vậy, nguyên đơn đã hoàn thành 100% khối lượng thi công được hai bên nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng từ ngày 05/02/2021, lập hồ sơ thanh quyết toán đầy đủ theo đúng thoả thuận của hợp đồng giao cho bị đơn kể ngày xuất hoá đơn GTGT số 1042 ngày 08/3/2021. Tuy nhiên, quá trình thực hiện hợp đồng tính đến ngày 26/01/2021, bị đơn chỉ mới thanh toán được tổng số tiền 1.308.402.400 đồng (bao gồm thanh toán lần 1 ngày 26/12/2020: 400.000.000 đồng; thanh toán lần 2 ngày 31/12/2020: 400.000.000 đồng; thanh toán lần 3 ngày 22/01/2021: 200.000.000 đồng; thanh toán lần 4 ngày 26/01/2021: 308.432.400 đồng).

Xét, theo Biên bản đối chiếu công nợ được hai bên lập ngày 07/4/2021, bị đơn nợ nguyên đơn giá trị thực hiện hợp đồng còn lại là 4.473.464.600 đồng. Bị đơn không thanh toán trong vòng 30 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thanh toán đúng thoả thuận là vi phạm nghĩa vụ. Đồng thời, tại Điều 14 HĐ về điều kiện bảo hành, nguyên đơn có trách nhiệm thực hiện bảo hành công trình trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày nghiệm thu, giá trị bảo hành là 5% giá trị hợp đồng bằng bảo lãnh ngân hàng; hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng từ ngày 05/02/2021. Từ sau khi công trình đưa vào sử dụng, nguyên đơn không nhận được văn bản thông báo của bị đơn yêu cầu thực hiện việc bảo hành công trình nên thời hạn bảo hành được xác định đã hết từ ngày 05/02/2022. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu buộc bị đơn thanh toán hết giá trị thực hiện hợp đồng còn lại với số tiền 4.473.464.600 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Về yêu cầu đòi tiền lãi chậm thanh toán:

Xét, tại Điều 3 và Điều 7 của HĐ hai bên thoả thuận: bị đơn phải thanh toán giá trị thực hiện hợp đồng còn lại trong vòng 30 ngày kể từ ngày hai bên ký biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng, quyết toán tổng hợp khối lượng giá trị thực hiện và bị đơn nhận đủ hồ sơ thanh toán. Nếu bị đơn không thanh toán đúng hạn thì phải chịu lãi suất quá hạn bằng 150% x lãi suất vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh An Giang. Hai bên đã lập Biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đối với các hạng mục thi công mà nguyên đơn đã thực hiện theo HĐ và các Biên bản thay đổi hợp đồng nêu trên kể từ ngày 05/02/2021, đồng thời bị đơn đã nhận đủ hồ sơ yêu cầu thanh toán từ ngày nguyên đơn xuất hoá đơn giá trị gia tăng và được hai bên lập biên bản đối chiếu công nợ. Như vậy, bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn giá trị thực hiện hợp đồng còn lại trong vòng 30 ngày, chậm nhất vào ngày 07/4/2021.

Xét, nguyên đơn yêu cầu tính tiền lãi chậm thanh toán là lãi quá hạn của lãi suất cho vay ngắn hạn 6%/năm tham khảo tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Chi nhánh An Giang thời điểm ngày 15/02/2022, mức lãi quá hạn 9%/năm

(0.025%/ngày) phù hợp quy định tại Điều 306 Luật Thương mại; Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; không vượt quá mức lãi quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được công nhận. Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lãi chậm thanh toán từ ngày 07/4/2021 đến ngày 15/02/2022 (314 ngày) là tự nguyện, có lợi cho bị đơn nên ghi nhận. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán lãi chậm trả: 4.473.464.600 đồng x 0.025%/ngày x 314 ngày = 351.166.971 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Xét quá trình chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và bị đơn trực tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án thông báo và triệu tập bị đơn tham gia tố tụng, tham gia phiên tòa để giải quyết vụ án theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng bị đơn vắng mặt được xem là họ đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn tiền nợ gốc: 4.473.464.600 đồng và tiền lãi 351.166.971 đồng, tổng cộng số tiền là 4.824.631.571 đồng (*Bốn tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi một đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp cho nguyên đơn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 và các Điều 203, 264, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 280, Điều 357, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 11, Điều 13 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự 2008; sửa đổi, bổ sung năm 2014.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C phải có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cổ phần Bê tông L tổng số tiền là 4.824.631.571 đồng (*Bốn tỷ tám trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm ba mươi một nghìn năm trăm bảy mươi một đồng*) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, nếu Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nói trên thì Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên đã thoả thuận tại Hợp đồng kinh tế số 4363/HĐ-ACECO-KD ngày 02/11/2020.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty cổ phần Xây lắp Thương mại C phải chịu án phí sơ thẩm số tiền: 112.824.632 đồng (*Một trăm mười hai triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm ba mươi hai đồng*).

Hoàn lại cho Công ty cổ phần Bê tông L số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 56.412.316 đồng (*Năm mươi sáu triệu bốn trăm mười hai nghìn ba trăm mười sáu đồng*) theo Biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2021/0005464 ngày 07 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Quận 1;
- Chi cục THADS Quận 1;
- TANDTP.HCM;
- VKSND TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Thị Ánh